

TÓM TẮT LUẬN VĂN CAO HỌC K1 - LQT (2012-2014)

1. Đề tài: Xác định ranh giới ngoài thềm lục địa của các nước và của Việt Nam

Học viên: Trần Trọng Đoàn

Thế kỷ XXI là thế kỷ của biển và đại dương. Biển và đại dương giờ đây không còn là lãnh địa của chỉ riêng các cường quốc trên thế giới mà đã trở thành sân chơi và mục tiêu của chiến lược tiến ra biển, làm chủ biển của hầu hết mọi quốc gia. Ngày nay, nói đến biển, nhân loại đều có nhận thức chung đó là không gian sống còn, phát triển và là tương lai của thế giới hiện đại đối với cả các nước có biển và không có biển, tại những khu vực có tuyên bố chủ quyền, hay không tuyên bố chủ quyền. Các quốc gia, kể từ nước nhỏ, đến siêu cường, đều nhận thức được rằng làm chủ biển và đại dương sẽ tạo động lực to lớn cho sự phát triển đột phá của nền kinh tế và xã hội trong nước và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Điều đó được thể hiện rõ khi hàng loạt các quốc gia trong khu vực và trên thế giới tiến hành điều chỉnh hoặc công bố chiến lược biển mới với những toan tính đầy tham vọng. Thềm lục địa là một trong những vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia, có vị trí địa - chính trị hết sức trọng yếu. Thềm lục địa không chỉ đem lại nguồn lợi hải sản, dầu khí và tài nguyên khoáng sản rắn..., mà những thập niên qua, nhiều khám phá đáng kinh ngạc về đáy biển và đại dương đã thúc đẩy các quốc gia và các nhà khoa học khắp thế giới lao vào cuộc chinh phục một nguồn năng lượng khổng lồ của tương lai (băng cháy...). Ngoài những lợi ích to lớn về mặt kinh tế, thềm lục địa còn giữ vị trí rất quan trọng về chính trị, quân sự và an ninh quốc phòng.

Nghiên cứu đề tài “**Xác định ranh giới ngoài thềm lục địa của các nước và của Việt Nam**” nhằm: Phân tích các quy định của luật biển quốc tế về chế độ pháp lý của thềm lục địa; Thực tiễn quốc tế về xác định ranh giới ngoài thềm lục địa; Hệ thống hóa và đánh giá thực tiễn xác định ranh giới ngoài thềm lục địa của Việt Nam và của các nước trong khu vực Biển Đông.

2. Đề tài: Hiệu lực của điều ước quốc tế trong pháp luật quốc tế - Liên hệ với pháp luật Việt Nam

Học viên: Đào Thu Hằng

Cương lĩnh Đại hội Đảng lần thứ XI đã khẳng định chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với xu hướng toàn cầu hóa trên thế giới ngày càng tăng, Việt Nam đang tích cực hội nhập quốc tế về mọi mặt. Trong bối cảnh đó, điều ước quốc tế là một nguồn cơ bản và quan trọng của luật pháp quốc tế, đồng thời cũng là công cụ chính đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự hợp tác quốc tế và duy trì hòa bình trên thế giới, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế được thực thi và tuân thủ. Bởi vậy, việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý trong việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế nói chung và các quy định về hiệu lực điều ước quốc tế nói riêng là một việc làm cấp thiết, cần được quan tâm với mọi quốc gia trên thế giới và cả Việt Nam, đảm bảo cho công tác thực hiện điều ước đạt được hiệu quả trong quá trình hội nhập quốc tế và mang lại lợi ích cho các quốc gia.

Với đề tài **“Hiệu lực của điều ước quốc tế trong pháp luật quốc tế - Liên hệ với pháp luật Việt Nam”**, trong phạm vi của một bài luận văn thạc sỹ, tôi đã cố gắng đề cập tới những quy định cơ bản nhất về hiệu lực của điều ước quốc tế trong pháp luật quốc tế và trong pháp luật Việt Nam. Tôi đã phân tích những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về hiệu lực của điều ước quốc tế, cụ thể là trong Luật ĐUQT 2005, và hơn nữa là so sánh với quy định của pháp luật quốc tế, cũng như đặt những quy định này trong mối tương quan với điều kiện kinh tế, xã hội trên toàn thế giới và ở Việt Nam hiện nay để thấy được những điểm phù hợp với pháp luật quốc tế và đời sống quốc gia.

Bài luận văn này cũng mạnh dạn phân tích một số điểm chưa phù hợp trong quy định về các cách thức để điều ước quốc tế có hiệu lực như ký, phê chuẩn phê duyệt, gia nhập điều ước của pháp luật Việt Nam. Trước những quy định còn chưa phù hợp này, tôi đã cố gắng phân tích, đưa ra một số đề xuất hoàn thiện luật để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác điều ước quốc tế tại Việt Nam.

3. Đề tài: Bảo hộ sáng chế đối với dược phẩm ở các quốc gia đang phát triển- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

Học viên: Nguyễn Thục Anh

Bảo hộ sáng chế đối với dược phẩm là vấn đề cấp thiết tại các quốc gia đang phát triển bởi trên thực tế các loại dịch bệnh chủ yếu thường bùng phát ở các nước có điều kiện đang và kém phát triển trong khi các loại thuốc đặc trị lại do các nước phát triển nghiên cứu sản xuất ra. Bên cạnh đó, ngày càng có nhiều tranh chấp xảy ra trong ngành công nghiệp dược phẩm về nhu cầu sản xuất thuốc giữa các quốc gia đang phát triển với các quốc gia nắm giữ bằng độc quyền sáng chế khi mà pháp luật bảo hộ sáng chế có những quy định tạo ra rào cản làm giảm khả năng tiếp cận nguồn dược phẩm thiết yếu này của người dân. Trong bối cảnh hợp tác quốc tế ngày càng được nâng cao thì việc tìm ra giải pháp để giúp đỡ các quốc gia đang phát triển có điều kiện tiếp cận với nguồn dược phẩm thiết yếu cũng như đảm bảo việc thực thi theo các quy định của pháp luật về bảo hộ sáng chế đối với dược phẩm trở thành một vấn đề đáng quan tâm. Không nằm ngoài quy luật này, Việt Nam là một nước có nền sản xuất còn trẻ, khả năng sáng tạo chưa cao (trung tự như với tất cả các nước đang phát triển khác), mức độ tăng cường bảo hộ sáng chế càng cao khiến cho doanh nghiệp, người dân ở Việt Nam phải chịu nhiều thiệt hại.

Luận văn đã tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật cũng như thực tiễn bảo hộ sáng chế đối với dược phẩm tại các quốc gia đang phát triển, cụ thể là tại Ấn Độ, Thái Lan, Nam Phi và Việt Nam đồng thời đánh giá sự tương thích giữa pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, cũng như đánh giá khả năng tiếp cận dược phẩm thiết yếu của người dân tại các quốc gia đang phát triển này.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ sáng chế dược phẩm tại Việt Nam để một mặt cần đảm bảo cung cấp nguồn dược phẩm cho người dân với mức giá rẻ nhưng cũng tăng cường bảo hộ sáng chế đối với các sản phẩm dược để thúc đẩy việc nghiên cứu và phát triển, thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, phát triển nền kinh tế.

4. Đề tài: Giải quyết tranh chấp tên miền liên quan đến quyền SHTT trên thế giới và một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Học viên: Bạch Hoàng Giang.

Trong xu hướng toàn cầu hóa, các công cụ Internet như tên miền và trang thông tin điện tử ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt là trong thương mại điện tử. Không chỉ là một địa chỉ định danh trên Internet, tên miền đã trở thành một tài sản giá trị, giúp doanh nghiệp định vị thương hiệu trong tâm trí khách hàng. Bên cạnh việc khai thác lợi thế của tên miền để quảng bá hình ảnh và xây dựng thương hiệu, doanh nghiệp luôn phải đối mặt với nguy cơ phát sinh tranh chấp tên miền với các chủ thể khác, trong đó sẽ vô vùng phức tạp nếu đó là các tranh chấp tên miền liên quan đến các đối tượng sở hữu trí tuệ. Với các doanh nghiệp ở những quốc gia đang phát triển như Việt Nam, nơi mà các quy định pháp luật về tên miền còn chưa hoàn thiện, việc tiếp cận các cơ chế giải quyết tranh chấp tên miền liên quan đến sở hữu trí tuệ luôn là một thách thức lớn. Khoảng trống của pháp luật về tên miền tại Việt Nam so với các quy định trên thế giới còn tồn tại khá nhiều bất đồng. Các quy định điều chỉnh giải quyết tranh chấp tên miền trên thế giới đã có từ lâu nhưng tại Việt Nam, chỉ đến năm 2008 mới bắt đầu có những quy định pháp luật riêng điều chỉnh vấn đề này. Tuy nhiên, với nhiều bất cập tồn tại thì trên thực tế con số các vụ việc tranh chấp tên miền ngày càng tăng nhưng số lượng giải quyết được lại không nhiều.

Để giải quyết vấn đề được đặt ra, luận văn đã đi sâu nghiên cứu các kiến thức nền tảng tập những khái niệm về các đối tượng chính là tên miền và quyền sở hữu trí tuệ, mối quan hệ tương tác giữa chúng. Với nguyên nhân và bản chất của tranh chấp tên miền liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ được phân tích, luận văn sẽ đúc rút những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn giải quyết tranh chấp tên miền liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ tại các quốc gia trên thế giới. Cuối cùng, với thực tế những bất cập còn tồn tại trong hệ thống pháp luật Việt Nam, luận văn sẽ áp dụng những bài học kinh nghiệm để đề xuất những giải pháp thỏa đáng và thích hợp nhất. Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá thực tiễn vấn đề, tác giả mong rằng luận văn sẽ đóng góp những cái nhìn mới và toàn diện hơn về thực trạng giải quyết tranh chấp tên miền liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ hiện nay.

5. Đề tài: Vấn đề phân định biển tại khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982.

Học viên: Phạm Công Dương

Sau khi Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển 1982 (Công ước Luật biển 1982) có hiệu lực, vấn đề phân định biển càng trở nên bức thiết, bởi nó liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích kinh tế, an ninh, quốc phòng của các quốc gia cũng như quyền tự do biển cả của cộng đồng quốc tế. Việc phân định biên giới biển, ranh giới biển giữa các quốc gia là một quá trình phức tạp, lâu dài, đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ lưỡng các tiêu chuẩn của luật pháp quốc tế và hoàn cảnh hữu quan.

Trong bối cảnh tình hình Biển Đông tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, việc hai nước Việt - Trung tiến hành đàm phán phân định biển tại khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ (VBB) có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý cho quản lý và khai thác các vùng biển của hai nước, đồng thời tạo đà để hai bên tiếp tục sử dụng luật pháp quốc tế vào giải quyết những tranh chấp tại Biển Đông. Tính đến nay, hai bên đã tiến hành 10 vòng đàm phán phân định nhưng vẫn chưa có bước tiến triển do quan điểm của hai bên còn khác biệt.

Luận văn với đề tài “*Vấn đề phân định biển tại khu vực ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982*” đã hệ thống những kiến thức cơ bản về phân định biển theo Công ước Luật biển 1982; khái quát được thực trạng đàm phán phân định giữa Việt Nam và Trung Quốc tại khu vực này và đưa ra một số đề xuất, kiến nghị về mặt pháp lý cho việc đàm phán phân định biển tại khu vực ngoài cửa VBB giữa Việt Nam và Trung Quốc. Cũng như những đề xuất khác liên quan đến hợp tác cùng phát triển khi hai bên chưa đạt được thỏa thuận cuối cùng về phân định.

6. Đề tài: Những vấn đề pháp lý về hợp tác bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản trong các vùng đang có tranh chấp trên Biển Đông

Học viên: Đỗ Việt Cường

Biển Đông, với vị trí địa – chính trị mang tầm chiến lược quan trọng, hiện đang là vùng biển của những tranh chấp rất phức tạp, nơi mà các vấn đề chủ quyền đối với các vùng biển và đảo, việc phân định biên, sử dụng tài nguyên và các vấn đề khác liên quan tới an ninh truyền thống hoặc phi truyền thống đều đan xen lẫn nhau.

Biển Đông cũng là khu vực có nguồn lợi thủy sản dồi dào, nơi có các quốc gia đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản đứng hàng đầu thế giới. Do đặc thù phát triển của nghề cá không thể chờ quá trình phân định biên vốn rất phức tạp và hiện đang rơi vào thế bế tắc ở Biển Đông, vì vậy để bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản có hiệu quả trong hoàn cảnh có tranh chấp, cần thiết phải có sự hợp tác từ các bên liên quan.

Luận văn “**Những vấn đề pháp lý về hợp tác bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản trong các vùng đang có tranh chấp trên Biển Đông**” gồm có ba chương:

Chương 1 hệ thống các quy định của pháp luật quốc tế (bao gồm các Điều ước quốc tế đa phương, Tập quán quốc tế và Phán quyết của các cơ quan tài phán quốc tế) về vấn đề bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản, cũng như nghĩa vụ hợp tác nhằm bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản, đặc biệt tại các khu vực biển đang có tranh chấp.

Chương 2 tập trung phân tích thực tiễn các mô hình hợp tác nhằm bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản tại các khu vực biển có tranh chấp trên thế giới, cụ thể là ba mô hình hợp tác nghề cá song phương vùng xám tại khu vực biển Đông Bắc Á và mô hình hợp tác nghề cá đa phương thông qua Ủy ban Nghề cá Địa Trung Hải.

Chương 3, tác giả đề xuất các mô hình hợp tác nghề cá tại các khu vực đang có tranh chấp trên Biển Đông dựa trên sự kế thừa những điểm tích cực của các mô hình hợp tác trên thế giới (được phân tích tại Chương 2) cũng như từ các mô hình hợp tác nghề cá hiện hành tại Biển Đông. Đó là việc thiết lập các Thỏa thuận vùng xám song phương và đa phương cũng như việc thiết lập Tổ chức quản lý nghề cá Đông Nam Á (SEAFMO) nhằm bảo tồn và quản lý hiệu quả nguồn lợi thủy sản tại các khu vực đang có tranh chấp trên Biển Đông./.

7. Đề tài: Vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài theo thực tiễn quốc tế và Việt Nam

Học viên: Nguyễn Thu Hằng

Ngày nay, quá trình quốc tế hóa đang diễn ra rất mạnh mẽ làm cho giao lưu kinh tế - thương mại giữa các quốc gia với nhau, giữa các cá nhân, tổ chức của quốc gia này với cá nhân, tổ chức của quốc gia khác ngày càng phát triển. Cùng với sự phát triển giao lưu kinh tế - thương mại mang tính chất quốc tế, những hình thức giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài bằng tổ chức trọng tài ngày càng được các bên áp dụng rộng rãi.

Trọng tài cũng là một trong các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài hòa giải, trung gian, Tòa án. Không giống như tòa án quốc gia, không có hội đồng trọng tài cố định để giải quyết tranh chấp thương mại mà ở đó cùng một số trọng tài viên nhất định giải quyết nhiều vụ việc. Trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp tư, dựa trên thỏa thuận của các bên. Quy tắc chung là “không có thỏa thuận giải quyết bằng phương thức trọng tài, không có tổ tụng trọng tài”. Trừ một số ngoại lệ, các bên phải thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng phương thức trọng tài, và quy định chi tiết các quy tắc điều chỉnh quá trình tổ tụng (chỉ định trọng tài viên...) hoặc sử dụng các quy tắc tổ tụng trọng tài dưới sự giám sát của một tổ chức trọng tài quy chế.

Với đề tài: **“Vai trò của Tòa án trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài theo thực tiễn quốc tế và Việt Nam”** đã xác định rõ vai trò của tòa án trong các giai đoạn của tổ tụng trọng tài thông qua pháp luật; thực tiễn quốc tế và Việt Nam giúp cho việc áp dụng phương pháp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thêm minh bạch và chính xác hơn. Ngoài ra, trên cơ sở nghiên cứu một cách cơ bản, toàn diện các vấn đề lý luận và thực tiễn của TTTM trên thế giới và Việt Nam, luận văn đã đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao vai trò của trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp.

8. Đề tài: Pháp luật Việt Nam về quốc tịch của người Việt Nam ở nước ngoài – Một số khuyến nghị bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tới

Học viên: Nguyễn Phương Anh

Quốc tịch là mối quan hệ pháp lý – chính trị gắn kết cá nhân với nhà nước, có tính lâu dài, bền vững, ổn định cao về mặt thời gian, không bị giới hạn về mặt không gian giữa cá nhân cụ thể với chính quyền một nhà nước nhất định. Việc xác định quốc tịch của một cá nhân là vô cùng quan trọng, bởi vì chỉ trên cơ sở quốc tịch, cá nhân mới được thụ hưởng những quyền và lợi ích mà nhà nước dành cho mình. Ngược lại, về phía Nhà nước, việc xác định quốc tịch cũng có ý nghĩa to lớn trong việc xác định ai là công dân nước mình, qua đó yêu cầu họ thực hiện nghĩa vụ đối với quốc gia (đóng thuế, nghĩa vụ quân sự...) đồng thời bảo hộ quyền và lợi ích của công dân mình ở nước ngoài.

Do hoàn cảnh chính trị và lịch sử, hiện nay có khoảng 4,5 triệu người Việt Nam đang sinh sống, học tập và làm việc tại các quốc gia trên thế giới. Trong số này, đại bộ phận đã có quốc tịch nước ngoài và đã ổn định cuộc sống, làm ăn lâu dài tại nước sở tại. Để đáp ứng những nhu cầu của quá trình phát triển và thay đổi của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới cũng như những yêu cầu cấp thiết của người Việt Nam ở nước ngoài trong vấn đề quốc tịch, việc nghiên cứu những quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch người Việt Nam ở nước ngoài để hoàn thiện hơn nữa hệ thống văn bản pháp luật, giải quyết thỏa đáng vấn đề quốc tịch của bà con kiều bào như trong Nghị quyết 36/NQ của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài là rất cần thiết.

Luận văn đã tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch của người Việt Nam ở nước ngoài từ năm 1945 đến nay, đặc biệt là Luật Quốc tịch 2008, nghiên cứu quy định của pháp luật quốc tế trong vấn đề quốc tịch của người nhập cư từ nước ngoài, đồng thời nêu lên tình hình người Việt Nam ở nước ngoài, thực trạng việc thực hiện pháp luật quốc tịch về quốc tịch của người Việt Nam ở nước ngoài, từ đó đánh giá những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra những bất cập, vướng mắc trong việc thực hiện Luật quốc tịch Việt Nam 2008. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp về pháp lý và giải pháp thực thi để có thể góp phần khắc phục những bất cập, vướng mắc, hoàn thiện các quy định pháp luật về quốc tịch của người Việt Nam ở nước ngoài.

9. Đề tài: Các vấn đề thể chế và pháp lý của ASEAN sau khi Hiến chương ASEAN có hiệu lực

Học viên: Nguyễn Cẩm Vân

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào ngày 8/8/1967 trên cơ sở Tuyên Bố Băng Cốc 1967 với 3 mục tiêu lớn là tăng cường phát triển kinh tế, xã hội; thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực; tăng cường phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau và duy trì mối quan hệ với các tổ chức khu vực và quốc tế khác. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, ASEAN là một tổ chức phát triển chưa đầy đủ, (chưa có tư cách pháp nhân, mức độ thể chế hóa thấp, cơ chế ra quyết định theo nguyên tắc đồng thuận, pháp quyền chưa đầy đủ). Do đó, việc phải xây dựng một cơ sở pháp lý để điều chỉnh các mối quan hệ của ASEAN là cần thiết. Trên cơ sở đó, các nước thành viên ASEAN đã nhất trí xây dựng Hiến chương ASEAN.

Luận văn với đề tài: **“Các vấn đề thể chế và pháp lý của ASEAN sau khi Hiến chương ASEAN có hiệu lực”** đã tập trung nghiên cứu về quá trình xây dựng Hiến chương; đi sâu phân tích và so sánh về khía cạnh thể chế và pháp lý của ASEAN trước và sau khi Hiến chương có hiệu lực; đưa ra những phân tích về việc chuyển hóa các quy định của Hiến chương vào pháp luật Việt Nam. Luận văn đã làm rõ được sự thay đổi của ASEAN sau khi Hiến chương ra đời và có hiệu lực. Cụ thể là thay đổi về mặt (i) thể chế: có mục tiêu, nguyên tắc hoạt động; cơ cấu tổ chức rõ ràng, bao gồm Cấp cao ASEAN (gồm những người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ của các nước thành viên, là cơ quan hoạch định chính sách tối cao của ASEAN); Hội đồng điều phối ASEAN (gồm các Bộ trưởng Ngoại giao, họp 2 lần một năm); Các hội đồng cộng đồng ASEAN (bao gồm cộng đồng chính trị - an ninh, cộng đồng kinh tế, cộng đồng văn hóa – xã hội); Các cơ quan chuyên ngành cấp bộ trưởng ASEAN; Tổng thư ký và Ban thư ký; ủy ban đại diện thường trực bên cạnh ASEAN; Ban thư ký ASEAN quốc gia; (ii) pháp lý: có tư cách pháp nhân rõ ràng, có các cơ chế giải quyết tranh chấp, các quy định về ưu đãi, miễn trừ...

Trên cơ sở những thay đổi đó, tác giả cũng đưa ra một số đánh giá liên quan đến tác động của Hiến chương đối với Việt Nam và những nhiệm vụ của Việt Nam cũng như của các nước thành viên trong việc xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

10. Đề tài: Pháp luật Việt Nam về biển đảo nhìn từ góc độ pháp luật quốc tế

Học viên: Lương Viết Huy

Việc thực hiện chủ quyền của một quốc gia tại các vùng biển có những điểm khác biệt so với trên đất liền, trong đó các quy định của pháp luật quốc tế đóng vai trò vô cùng quan trọng. Việt Nam đang ngày càng mở rộng hội nhập quốc tế theo xu thế tất yếu chung của cả thế giới, đã tham gia vào rất nhiều tổ chức quốc tế, là thành viên của nhiều điều ước, cơ chế pháp luật quốc tế trong đó có vấn đề biển đảo. Với bờ biển dài, vùng biển rộng, có nhiều đảo thì biển đảo Việt Nam có ý nghĩa hết sức to lớn cả về mặt kinh tế cũng như an ninh quốc phòng. Đảng, Nhà nước ta đã sớm quan tâm đề ra chủ trương, chính sách, ban hành hệ thống văn bản pháp luật liên quan cũng như tham gia vào các điều ước quốc tế để quản lý, khai thác biển một cách có hiệu quả. Là một thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, luôn tuân thủ nguyên tắc tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết quốc tế thì việc pháp luật Việt Nam về biển đảo cần tương thích với các quy định của pháp luật quốc tế là điều hết sức quan trọng, là cơ sở để Việt Nam thực hiện chủ quyền phù hợp với pháp luật quốc tế. Từ đó đặt ra một yêu cầu là phải nghiên cứu, rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam về vấn đề này, đối chiếu với các quy định của pháp luật quốc tế để thấy được những điểm tương thích, những vấn đề còn tồn tại từ đó không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

Luận văn gồm 3 chương: **Chương 1** tập trung phân tích quá trình hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về biển đảo qua các thời kỳ, giai đoạn cụ thể trong lịch sử như thời phong kiến, thời Pháp thuộc, thời kỳ chia cắt đất nước và từ sau thống nhất đất nước đến nay; đồng thời trong mỗi tương quan với sự phát triển của pháp luật quốc tế ở mỗi thời điểm nhất định; **Chương 2** Tập trung phân tích thực trạng các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành về biển đảo đồng thời đi so sánh, đối chiếu với các quy định của pháp luật quốc tế về biển đảo để từ đó chỉ ra những điểm tương đồng, những vấn đề còn tồn tại, bất cập; **Chương 3** Tiến hành phân tích quan điểm của Đảng, Nhà nước có liên quan; đưa ra những đánh giá tổng thể hệ thống pháp luật Việt Nam về biển đảo. Trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị về phương hướng cũng như biện pháp cụ thể để không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về biển đảo.

11.Đề tài: Phân định các vùng biển theo luật pháp quốc tế và thực tiễn của Việt Nam

Học viên: Quách Thị Huyền

Thế kỷ 21 được các nhà chiến lược coi là "Thế kỷ của đại dương", do vậy tiến ra biển và làm chủ biển đã và đang trở thành xu hướng chung của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới (kể cả các quốc gia không có biển cũng tìm cách để vươn ra biển) và được Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS) tạo điều kiện thuận lợi. Những quy định này của Công ước đã mở rộng một cách đáng kể chủ quyền, các quyền thuộc chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia ven biển nhưng đồng thời cũng làm xuất hiện thêm các vùng biển và thêm lục địa chồng lấn giữa các nước có bờ biển nằm tiếp liền hoặc đối diện nhau.

Trong khu vực Biển Đông, Việt Nam cần giải quyết tranh chấp trong hoạch định biên giới trên biển với 5 quốc gia trong khu vực là Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, Thái Lan và Campuchia. Do tính chất nhạy cảm và phức tạp của việc giải quyết tranh chấp về phân định biển, đến nay Việt Nam mới giải quyết được được 3 trong số các trường hợp trên. Việc giải quyết tranh chấp các vùng biển giữa Việt Nam và các nước vẫn sẽ góp phần xác định các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam, đồng thời tạo môi trường hòa bình và ổn định cho sự phát triển của đất nước. Để giải quyết những tranh chấp này, yêu cầu khách quan đòi hỏi các quốc gia sử dụng biện pháp hòa bình, trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của nhau và phù hợp với các quy định của luật quốc tế. Vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu một cách có hệ thống những quy định về phân định biển của luật pháp quốc tế và thực tiễn phân định biển của Việt Nam là điều cần thiết và có ý nghĩa lý luận cũng như thực tiễn sâu sắc.

Luận văn gồm 03 chương: **Chương 1:** Chương này giới thiệu một cách tổng quát các quy định của luật biển quốc tế và pháp luật Việt Nam về các vùng biển. **Chương 2:** Chương này sẽ tập trung phân tích các quy định của luật biển quốc tế và thực tiễn quốc tế về phân định biển. **Chương 3:** Chương này hệ thống hóa và đánh giá thực tiễn phân định biển giữa Việt Nam và các nước láng giềng trong khu vực Biển Đông.

13. Đề tài: Cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN đối với tranh chấp biên giới lãnh thổ: Thực trạng và phương hướng hoàn thiện.

Học viên: Ngô Phan Anh Ngọc

Các tranh chấp trong khu vực Đông Nam Á ngày một gia tăng về số lượng và phạm vi ảnh hưởng, thậm chí đã có thời điểm leo thang thành xung đột vũ trang. Trong khi đó cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN tuy đã được hình thành và được ghi nhận trong Hiến chương ASEAN nhưng cho đến nay vẫn chưa thể hiện được tính hiệu quả của nó. Bài toán đặt ra với các nước ASEAN là làm thế nào để cơ chế này đi vào thực tiễn và phát huy vai trò trong việc tháo gỡ các tranh chấp hiện có trong khu vực? Việc trả lời câu hỏi này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong bối cảnh các tranh chấp trong khu vực ngày một phức tạp và dường như chưa có hồi kết.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn đề tài: **“Cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN đối với tranh chấp biên giới lãnh thổ: Thực trạng và phương hướng hoàn thiện”** gồm 3 chương:

Chương 1 phân tích một số khái niệm chung về tranh chấp quốc tế, phân loại các tranh chấp quốc tế, phân tích nội hàm và các đặc điểm của tranh chấp biên giới lãnh thổ. Đồng thời nêu ra một số nguyên tắc nền tảng cho việc giải quyết loại tranh chấp này.

Trong Chương 2 luận văn tập trung nghiên cứu các văn kiện và điều ước quốc tế có liên quan đến vấn đề giải quyết tranh chấp biên giới lãnh thổ của ASEAN, việc vận dụng các nguyên tắc để giải quyết tranh chấp đồng thời phân tích các phương thức giải quyết tranh chấp mà các nước ASEAN có thể áp dụng, từ đó khẳng định tính bất cập trong cơ chế giải quyết tranh chấp của khu vực.

Dựa trên việc tổng hợp một số tranh chấp còn tồn tại trong khu vực ASEAN, chương 3 của luận văn phân tích những thách thức đặt ra đối với ASEAN trong việc giải quyết tranh chấp về biên giới lãnh thổ và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế này. Luận văn còn nghiên cứu mở rộng vấn đề giải quyết tranh chấp của ASEAN với các nước láng giềng ngoài khu vực.

14. Đề tài: Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam -thành viên mới của công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi

Học viên: Nguyễn Hải Duy

Trong bối cảnh Việt Nam đã thực thi La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi được 02 năm và Luật Nuôi con nuôi được 03 năm, việc nhìn nhận, xem xét tính tương quan giữa hai quy định này cả về nội dung và thực tiễn áp dụng là cần thiết; qua đó đánh giá những kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực thi nhằm đưa ra một số đề xuất góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả giải quyết vấn đề nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

Luận văn với đề tài “**Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam - thành viên mới của công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi**” đã tập trung nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; nội dung hiệp định tương trợ tư pháp và hiệp định hợp tác nuôi con nuôi Việt Nam đã ký kết với một số quốc gia trên thế giới; nội dung cơ bản của Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi; cũng như quá trình Việt Nam tham gia ký kết Công ước này. Bên cạnh đó, Luận văn cũng tập trung nghiên cứu, tìm hiểu quá trình thực thi Công ước La Hay 1993 và Luật Nuôi con nuôi 2010 tại Việt Nam; qua đó đánh giá những kết quả đạt được, những điểm còn tồn tại hạn chế.

Đánh giá việc tham gia Công ước La Hay 1993 vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Việt Nam trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế về bảo vệ quyền, lợi ích trẻ em được giới thiệu làm con nuôi quốc tế, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả giải quyết giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam./.

15. Đề tài: Tranh chấp chủ quyền đảo Điếu Ngư/Senkaku: Nhìn từ khía cạnh Luật Quốc tế

Học viên: Trần Quang Hưng

Quần đảo mà Nhật Bản và Trung Quốc đang tranh chấp nằm trên biển Hoa Đông, với 8 đảo nhỏ và bãi đá có tổng diện tích khoảng 7km². Quần đảo này ở phía Tây Nam tỉnh Okinawa của Nhật Bản, phía Đông của Trung Quốc và phía Đông Bắc của Đài Loan (Trung Quốc). Đây được coi là một trong những khu vực có trữ lượng dầu khí lớn và có các tuyến giao thông đường biển quan trọng về mặt chiến lược.

Tác giả lựa chọn đề tài “Tranh chấp chủ quyền đảo Điếu Ngư/Senkaku: Nhìn từ khía cạnh luật quốc tế” nhằm phân tích, đánh giá một cách khách quan, đúng đắn và đưa ra dự đoán về triển vọng giải quyết tranh chấp chủ quyền quần đảo Điếu Ngư/Senkaku giữa hai nước trong thời gian tới, góp phần tìm ra hướng đi phù hợp và tối ưu trong công cuộc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam ở Biển Đông.

Luận văn với đề tài: “**Tranh chấp chủ quyền đảo Điếu Ngư/Senkaku: Nhìn từ khía cạnh Luật Quốc tế**” đã tập trung nghiên cứu, phân tích thực trạng tranh chấp chủ quyền đảo Điếu Ngư/Senkaku từ khía cạnh luật quốc tế và đưa ra dự báo về triển vọng giải quyết tranh chấp giữa hai nước; đồng thời, liên hệ giải quyết tranh chấp chủ quyền Biển Đông giữa Trung Quốc và Việt Nam. Tuy nhiên, tranh chấp chủ quyền quần đảo Điếu Ngư/Senkaku giữa Trung Quốc và Nhật Bản là một vấn đề lâu dài, khó giải quyết một cách triệt để trong thời gian ngắn. Từ khía cạnh luật quốc tế, tuyên bố chủ quyền của Nhật Bản chiếm ưu thế hơn và được sự đồng thuận, ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Việc sử dụng các biện pháp pháp lý và các biện pháp trung gian, hòa giải, đàm phán... để giải quyết tranh chấp quần đảo Điếu Ngư/Senkaku giữa Trung Quốc và Nhật Bản là khó khả thi, vì hai nước đều có những tính toán riêng và kiên quyết khẳng định bản thân có chủ quyền không thể tranh cãi ở khu vực này.

16. Đề tài: Yêu sách vùng biển của Trung Quốc tại Biển Đông dưới góc nhìn của luật pháp quốc tế

Học viên: Hoàng Thị Phương Mai

Trong những năm gần đây, các tranh chấp tại Biển Đông ngày càng trở nên căng thẳng, thu hút sự chú ý của các nước trong khu vực và cả cộng đồng quốc tế. Trung Quốc là quốc gia tham gia vào tất cả các tranh chấp tại Biển Đông. Các yêu sách của Trung Quốc tại Biển Đông không chỉ là những yêu sách chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, mà còn là yêu sách những vùng biển rộng lớn tại Biển Đông.

Đã có rất nhiều nỗ lực đã được tiến hành nhằm kiềm chế tranh chấp, xây dựng lòng tin giữa các bên, và tiến tới giải quyết tranh chấp một cách hoà bình, nhưng đều không đạt được nhiều kết quả do sự thiếu hợp tác của các bên có tranh chấp, đặc biệt là Trung Quốc. Với những diễn biến như trên, và trong bối cảnh Việt Nam đang có những cân nhắc sử dụng biện pháp pháp lý trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, việc tiến hành những nghiên cứu kỹ lưỡng về tính pháp lý của các yêu sách vùng biển của Trung Quốc là một việc làm rất cần thiết.

Luận văn gồm 3 chương: Chương 1: Tầm quan trọng của Biển Đông với Trung Quốc và yêu sách vùng biển của Trung Quốc tại Biển Đông. Chương này đưa ra cái nhìn tổng quát về các yêu sách vùng biển của Trung Quốc tại Biển Đông (gồm 3 loại yêu sách: yêu sách theo UNCLOS 1982 từ lãnh thổ đất liền; yêu sách đường cơ sở trong phạm vi Biển Đông; và yêu sách đường lưỡi bò.)

Chương 2: Những cơ sở pháp lý liên quan đến yêu sách vùng biển. Chương này hệ thống lại những quy định của luật pháp quốc tế về chế độ pháp lý của biển cả và đại dương; quyền và nghĩa vụ của các quốc gia đối với các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia cũng như đối với các vùng biển thuộc phạm vi quốc tế; các quy định về đảo, đá; các quy định về vùng nước lịch sử, quyền lịch sử v.v...

Chương 3: Đánh giá yêu sách biển của Trung Quốc tại Biển Đông và những kiến nghị. Trên cơ sở các nội dung ở trên, chương này tập trung đi vào phân tích, chỉ ra những điểm chưa phù hợp với quy định tại UNCLOS của các yêu sách biển của Trung Quốc tại Biển Đông.

17. Đề tài: Hôn nhân đồng tính và kinh nghiệm quốc tế đối với việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hôn nhân đồng tính ở Việt Nam

Học viên: Vũ Thu Hằng

Hôn nhân là một thiết chế đã xuất hiện từ rất lâu trong lịch sử hình thành và phát triển của xã hội. Trong những thập kỷ gần đây, ngày càng có nhiều quốc gia cũng như vùng lãnh thổ đã bắt đầu thừa nhận pháp lý (ở mức độ nhất định) đối với các mối quan hệ kết hôn giữa hai người cùng giới. Đến tháng 2/2014 đã có 17 quốc gia hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính và 03 quốc gia hợp pháp hóa HNĐT ở một số vùng; 17 quốc gia và 13 vùng lãnh thổ thừa nhận hình thức kết hợp dân sự cho cặp đôi đồng tính.

Việt Nam cũng là nước dành nhiều sự quan tâm lớn đối với vấn đề hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, tính đến nay, việc kết hôn giữa những người đồng tính vẫn chưa được Nhà nước công nhận. tính đến nay, việc kết hôn giữa những người đồng tính vẫn chưa được Nhà nước công nhận.

Luận văn với đề tài: **“Hôn nhân đồng tính và kinh nghiệm quốc tế đối với việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hôn nhân đồng tính ở Việt Nam”** đã cung cấp thêm thông tin và cái nhìn toàn diện hơn về các vấn đề liên quan đến hôn nhân đồng tính, nêu lên thực trạng vấn đề hôn nhân đồng tính ở Việt Nam, các yếu tố tác động, khó khăn và trở ngại đối với việc công nhận và bảo vệ hôn nhân đồng tính ở Việt Nam. Trên cơ sở tham khảo những quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia trên thế giới về việc hợp pháp hóa quyền kết hôn của người đồng tính, tác giả đã mạnh dạn đề xuất một số khuyến nghị mang tính định hướng chung và những kiến nghị cụ thể cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong thời gian tới về việc ghi nhận và bảo vệ hôn nhân đồng tính.

18. Đề tài: “Tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa”

Học viên: Nguyễn Ngọc Việt

Hai quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa nằm giữa biển Đông, án ngữ các tuyến đường giao thông hàng hải huyết mạch nối Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương, có tiềm năng dầu khí và nguồn hải sản dồi dào. Hai quần đảo chiếm vị trí cực kỳ quan trọng về chiến lược quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế không chỉ đối với Việt Nam mà còn với các quốc gia nằm trong khu vực này. Hiện nay trong vùng Biển Đông đang tồn tại những tranh chấp về chủ quyền rất phức tạp và kéo dài.

Chính những tranh chấp về chủ quyền đang diễn ra gây ra sự ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, ổn định và phát triển của toàn bộ khu vực. Hơn bao giờ hết việc phân định rõ ràng chủ quyền đối với hai quần đảo là vô cùng cần thiết, điều này giúp cho các quốc gia có thể xác lập và thực hiện chủ quyền để đảm bảo tính toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia, an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế và có thể hợp tác hội nhập quốc tế, không để xảy ra hoặc làm xuất hiện những nguy cơ gây ra tranh chấp đối với các quốc gia có liên quan. Đặc biệt là nguy cơ xảy ra xung đột vũ trang.

Tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa phức tạp bởi nhiều yếu tố đan xen như: kinh tế, chiến lược, pháp lý, chính trị, tinh thần dân tộc. Trong đó, pháp lý là yếu tố quan trọng nhất để tìm kiếm giải pháp đối với vấn đề tranh chấp của hai quần đảo. Luận văn tập trung phân tích các vấn đề pháp lý nhằm tìm ra phương hướng giải quyết tranh chấp thông qua các Chương:

- Nghiên cứu các quy phạm của pháp luật quốc tế về thụ đắc lãnh thổ được áp dụng để giải quyết tranh chấp hai quần đảo.
- Nghiên cứu và phân tích về mặt pháp lý các luận cứ của Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan trong tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo.
- Nghiên cứu phương hướng giải quyết tranh chấp hai quần đảo.

19. Đề tài: Luật quốc tế bảo vệ quyền của phụ nữ và vấn đề hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này

Học viên: Lê Thu Trà

Lời mở đầu trong Bản Tuyên ngôn độc lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1945, chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Hỡi đồng bào cả nước, Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. ... Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”.

Văn kiện của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết số 11 của Bộ chính trị đã nhấn mạnh vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Việt Nam đã phê chuẩn Công ước CEDAW ngày 17/02/1982. Và ngày 12/11/2013, Việt Nam trúng cử Hội đồng nhân quyền với số phiếu cao nhất. Tuy nhiên chưa phải ai cũng biết được quyền phụ nữ được bảo vệ như thế nào trong luật quốc tế và trong luật pháp của Việt Nam.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn: “**Luật quốc tế bảo vệ quyền của phụ nữ và vấn đề hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này**” gồm có 3 chương:

Chương 1: Khái quát chung về quyền con người, hệ thống thể chế quốc tế về quyền con người và các Điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người. Chương này đưa ra cái nhìn tổng quát về vấn đề bảo vệ quốc tế quyền của phụ nữ và vấn đề bình đẳng giới trong pháp luật quốc tế.

Chương 2: Luận văn tập trung vào phân tích nội dung Công ước CEDAW và đánh giá mối quan hệ giữa Công ước và Việt Nam. Đây là Công ước có hiệu lực thi hành nhanh hơn bất kì công ước nào về quyền con người trước đây. Đồng thời, đây là văn kiện toàn diện nhất bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ.

Chương 3: Phân tích và đánh giá quá trình nội luật hóa ở Việt Nam sau khi Việt Nam phê chuẩn Công ước để từ đó rút ra những điểm cần hoàn thiện trong pháp luật Việt Nam. Mặc dù trong quá trình tiến hành nội luật hóa còn gặp nhiều khó khăn và cần thay đổi, cập nhật để phù hợp với tình hình thực tế, Việt Nam đã đạt được rất nhiều thành công trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách để thực hiện bảo vệ quyền phụ nữ cũng như để dần xóa bỏ sự phân biệt đối xử phụ nữ tại Việt Nam. Đây là một nỗ lực đòi hỏi rất nhiều công sức, bởi tiềm thức phân biệt nam nữ trong xã hội không phải cứ luật ban hành là vấn đề sẽ được xóa bỏ triệt để. Chính vì vậy Việt Nam sẽ còn cần phải cố gắng hơn nữa để tăng cường việc nội luật hóa sao cho không chỉ phù hợp với luật quốc tế, mà còn cần phải đi vào thực tiễn, đi vào tiềm thức của mỗi người dân để luật pháp Việt Nam không những hoàn thiện mà còn hiệu quả.

20. Đề tài: Pháp luật quốc tế về chống cướp biển và vấn đề chống cướp biển trên Biển Đông

Học viên: Khổng Minh Cường

Hiện nay, tình hình cướp biển trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp, với việc cướp biển Somalia trang bị vũ khí hiện đại tấn công các tàu biển để cướp hàng hóa và bắt cóc con tin. Ngoài ra, tại khu vực biển Đông vẫn xảy ra các vụ cướp biển xung quanh eo biển Malaka của Malaysia và khu vực biển giáp ranh giữa Việt Nam và Indonesia, Malaysia, Philippine. Hợp tác quốc tế về chống cướp biển là một vấn đề được nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế quan tâm. Hợp tác quốc tế về chống cướp biển là vấn đề cần thiết nhằm đảm bảo an ninh hàng hải trên thế giới. Ngay từ các thế kỷ trước, các nước đã có sự hợp tác nhất định để đấu tranh chống cướp biển nhằm đảm bảo an toàn cho các tàu biển của các nước. Tuy nhiên, việc hợp tác này chỉ giới hạn giữa các cường quốc hàng hải, dẫn đến hạn chế trong hiệu quả chống cướp biển. Công ước Luật biển (UNCLOS 1982) là văn bản pháp lý quan trọng nhất trong đấu tranh chống cướp biển. Công ước từ khi ra đời đã tạo ra khung pháp lý cho việc chống cướp biển và hợp tác chống cướp biển giữa các nước. Việc tham gia chống cướp biển không chỉ giới hạn giữa các cường quốc về hàng hải mà còn có sự tham gia của các quốc gia có biển khác.

Việt Nam là quốc gia có đường bờ biển dài và diện tích các vùng biển tương đối lớn, có lượng tàu biển qua lại ngày một tăng. Việt Nam là thành viên của UNCLOS và một số điều ước quốc tế khác có liên quan đến chống cướp biển. Do đó, để tăng cường hội nhập quốc tế, chúng ta cần nghiên cứu sâu về vấn đề này.

Luận văn đã tập trung phân tích một số vấn đề lý luận pháp luật quốc tế về cướp biển và hợp tác quốc tế về chống cướp biển, trong đó tập trung phân tích các quy định trong pháp luật quốc tế về cướp biển và hợp tác quốc tế về chống cướp biển, làm rõ hạn chế của các quy định này, đặc biệt là định nghĩa cướp biển có trong UNCLOS 1982; vấn đề chống cướp biển trên Biển Đông, trong đó nhấn mạnh tới vai trò của việc Đài Loan tham gia hợp tác về chống cướp biển trên Biển Đông.

Từ đó, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về chống cướp biển trên Biển Đông, góp phần làm giảm căng thẳng trên Biển Đông liên quan đến các tranh chấp về biển, đảo, và đảm bảo hòa bình, ổn định trong khu vực.

21. Đề tài: Luật quốc tế về hợp tác khai thác chung trên biển và thực tiễn ở khu vực Biển Đông

Học viên: Nguyễn Minh Sáng

Biển Đông có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển ổn định, bền vững về mọi mặt của Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực tồn tại những tranh chấp gay gắt và phức tạp nhất trên thế giới, khó đi đến một giải pháp cuối cùng về phân định biển mà các bên liên quan có thể chấp nhận được. Tranh chấp ở Biển Đông tác động tiêu cực đến mọi mặt đời sống xã hội của các nước liên quan tranh chấp, trong đó có Việt Nam. Gần đây, tình hình tranh chấp có xu hướng leo thang căng thẳng, đe dọa bùng nổ xung đột quân sự. Trong bối cảnh như vậy, hợp tác khai thác chung tài nguyên thiên nhiên giữa các bên hữu quan, nhất là tại các vùng biển có sự chồng lấn các yêu sách hợp pháp về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán, với ý nghĩa là một giải pháp tạm thời, là một đề xuất đáng được xem xét.

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Phụ lục minh họa, với kết cấu ba chương, luận văn tập trung làm rõ khái niệm, phân loại và vai trò của hợp tác khai thác chung trên biển; các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về hợp tác khai thác chung trên biển; phân tích một số thực tiễn tiêu biểu về hợp tác khai thác chung giữa các quốc gia trên thế giới, trong đó có khu vực Biển Đông, rút ra một số bài học pháp lý về việc ký kết, thực thi thỏa thuận hợp tác khai thác chung trên biển; đánh giá về vị trí, vai trò của Biển Đông, tình hình tranh chấp ở Biển Đông, những thuận lợi, thách thức đối với Việt Nam trong việc tiến hành hợp tác khai thác chung với các nước láng giềng. Trên cơ sở đó, đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam trong việc ký kết, thực thi thỏa thuận hợp tác khai thác chung trên biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và góp phần duy trì môi trường, hòa bình, ổn định, phát triển trong khu vực.

22. Đề tài: Thủ tục giải quyết tranh chấp tại Tòa trọng tài Phụ lục VII Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

Học viên: Hàn Thị Hồng Hạnh

Trong bối cảnh tình hình tranh chấp Biển Đông ngày càng leo thang với mức độ nghiêm trọng. Công ước Luật biển năm 1982 vừa là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng hỗ trợ các quốc gia trong việc quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở biển, vừa là công cụ hữu hiệu để các quốc gia giải quyết tranh chấp phát sinh từ biển. Tuy nhiên, tình trạng tranh chấp vẫn kéo dài chưa được giải quyết triệt để. Trong đó, Trung Quốc là bên tranh chấp hung hăng nhất trên biển Đông với các yêu sách và hành động dẫn tới nảy sinh nhiều xung đột. Năm 2006, nước này ra tuyên bố coi tất cả các loại tranh chấp liệt kê trong Điều 298 là ngoại lệ. Như vậy đã loại bỏ việc áp dụng nhiều cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả được quy định trong Công ước Luật biển 1982.

Thủ tục Trọng tài Phụ lục VII là biện pháp bắt buộc dẫn tới kết quả ràng buộc mở ra nhiều khả năng áp dụng nhất để giải quyết các tranh chấp liên quan tới Trung Quốc. Ngày 22/01/2013, Phi-líp-pin chính thức khởi kiện Trung Quốc ra Tòa trọng tài được thành lập theo Điều 287 và Phụ lục VII Công ước Luật biển với bản Thông báo và tuyên bố khởi kiện có nhiều nội dung liên quan đến quyền lợi của Việt Nam. Đặc biệt, ngày 01/05/2014, Trung Quốc ngang nhiên hạ đặt trái phép giàn khoan HD981 trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nước ta.

Luận văn với đề tài: **“Thủ tục giải quyết tranh chấp tại Tòa trọng tài theo Phụ lục VII Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982”** đã tập trung nghiên cứu các vấn đề về thủ tục tại Tòa trọng tài Phụ lục VII thông qua quy định trong Công ước và thực tiễn xét xử vụ việc tại tòa từ khi Công ước có hiệu lực đến nay. Trong Chương I, các quy định về thủ tục Tòa trọng tài Phụ VII được phân tích trong tổng thể các cơ chế giải quyết tranh chấp khác của Công ước Luật biển 1982 nhằm đưa ra cái nhìn tổng quát, làm nổi bật khả năng áp dụng cao của cơ chế này. Ở Chương II, việc tìm hiểu thực tiễn xét xử toàn bộ vụ việc đã và đang được giải quyết tại Tòa, đặc biệt tập trung vào vụ Phi-líp-pin kiện Trung Quốc nhằm rút ra đặc điểm chung, ưu/nhược điểm của thủ tục này khi được áp dụng trong các vụ việc cụ thể.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, trong Chương III, tác giả khái quát lại tình hình các tranh chấp trên biển Đông, đối chiếu với chủ trương của Việt Nam về phương thức giải quyết tranh chấp để đưa ra những khả năng Việt Nam lựa chọn áp dụng thủ tục Trọng tài Phụ lục VII trong những tình huống tranh chấp cụ thể đã xảy ra.

23. Đề tài: Tập quán quốc tế về thụ đắc lãnh thổ - Cơ sở pháp lý khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa

Học viên: Nguyễn Sinh Thành

Những năm gần đây, tình hình tranh chấp ở Biển Đông nói chung và tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng có xu hướng diễn biến ngày càng phức tạp, căng thẳng, chủ yếu do Trung Quốc đẩy mạnh các hoạt động đơn phương nhằm thay đổi hiện trạng ở Biển Đông theo hướng có lợi cho họ. Điều này khiến các bên liên quan khác gia tăng các hành động khẳng định chủ quyền, đồng thời nỗ lực tìm kiếm các giải pháp mới nhằm thúc đẩy giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

Việc cân nhắc sử dụng công cụ tài phán quốc tế để giải quyết hòa bình tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông là cần thiết và có tác dụng tích cực, nhất là khi có một bên liên quan dựa vào sức mạnh vượt trội để chèn ép các bên tranh chấp khác. Trong số các bên liên quan tranh chấp ở Biển Đông, Việt Nam được cho là bên có chứng cứ, lập luận pháp lý vững chắc hơn các bên còn lại về chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, dựa trên tập quán quốc tế về thụ đắc lãnh thổ và các điều ước quốc tế liên quan, đặc biệt là UNCLOS 1982. Đây là những tiền đề cơ bản để chúng ta cân nhắc việc đưa vấn đề tranh chấp ra cơ quan tài phán quốc tế vào thời điểm thích hợp nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia. Trong bối cảnh đó, việc tiến hành nghiên cứu, phân tích một cách đầy đủ, toàn diện các chứng cứ lịch sử, cơ sở pháp lý của ta trong tương quan với các bên liên quan tranh chấp khác là điều cấp thiết và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Luận văn với đề tài “*Tập quán quốc tế về thụ đắc lãnh thổ - Cơ sở pháp lý khẳng định chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa*” đã tập trung phân tích, hệ thống hóa những bằng chứng lịch sử khẳng định chủ quyền hợp pháp của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên cơ sở tập quán quốc tế về thụ đắc lãnh thổ đã được luật pháp quốc tế thừa nhận; đồng thời tập trung phân tích, làm rõ những điểm mạnh, điểm yếu trong hồ sơ pháp lý của Việt Nam so với các bên liên quan tranh chấp khác về chủ quyền đối với hai quần đảo.

Trên cơ sở những nghiên cứu, đánh giá nói trên, luận văn đã mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị về định hướng sử dụng các công cụ pháp lý trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam, tập trung vào biện pháp khắc phục các điểm yếu về cơ sở pháp lý của ta, phản bác lập luận về yêu sách chủ quyền của các bên liên quan tranh chấp khác; biện pháp tăng cường hoạt động trên thực địa nhằm bảo vệ chủ quyền; biện pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm thu hút sự ủng hộ đối với lập luận pháp lý của Việt Nam; công tác chuẩn bị cho khả năng khởi kiện tại các cơ quan tài phán quốc tế vào thời điểm thích hợp.

24. Đề tài: Quy chế pháp lý của đảo theo luật pháp quốc tế - áp dụng tại quần đảo Trường Sa.

Học viên: Lê Hồng Tiến

Biển Đông, đặc biệt là quần đảo Trường Sa là nơi có nhiều cấu trúc địa lý gồm: san hô/còn cát, rạn san hô, rạn san hô vòng, bãi cạn và bãi ngầm. Phần lớn nơi đây không có người sinh sống, đa phần bị ngập trong nước biển khi triều cường. Khu vực này được cho là có nhiều tiềm năng về dầu mỏ và khí tự nhiên cũng như nguồn lợi hải sản. Các nước trong khu vực gồm Việt Nam, Philippin, Malaysia, Brunay và Đài Loan đang có yêu sách về chủ quyền tại đây.

Để góp phần làm rõ những quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật trong nước về quy chế pháp lý của đảo; thực tiễn nghiên cứu của các quốc gia trên thế giới và khu vực Biển Đông về vấn đề quy chế pháp lý của đảo; đánh giá những thuận lợi và thách thức đối với Việt Nam trong việc thể hiện lập trường về quy chế pháp lý của các đảo tại quần đảo Trường Sa với các quốc gia có liên quan. Luận văn đã đưa ra một số biện pháp thể hiện lập trường của Việt Nam về quy chế pháp lý của đảo tại quần đảo Trường Sa để phục vụ công tác đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán các vùng biển của Việt Nam tại quần đảo Trường Sa theo các quy định của luật pháp quốc tế.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn “Quy chế pháp lý của đảo theo luật pháp quốc tế - áp dụng tại quần đảo Trường Sa” gồm 3 chương:

Chương 1: Quy chế pháp lý của đảo trong luật pháp quốc tế. Chương này đi sâu phân tích định nghĩa khái niệm đảo trong luật pháp quốc tế; những yếu tố cấu thành nên đảo; các vùng biển mà đảo có thể tạo ra xung quanh chúng; vai trò của đảo trong việc xác lập hệ thống đường cơ sở thẳng của các quốc gia có đảo.

Chương 2: Vai trò của đảo trong việc tạo ra các vùng biển theo quy định của luật pháp quốc tế và thực tiễn các quốc gia. Chương 2 đi sâu phân tích những tác động và vai trò của đảo trong quá trình phân định biên giới và ranh giới trên biển giữa các quốc gia liên quan.

Chương 3: Kiến nghị chính sách về lập trường của Việt Nam về quy chế đảo tại Biển Đông, cách thức quản lý và bảo vệ các đảo tại Trường Sa. Trên cơ sở phân tích trong các chương trước, Chương này sẽ vận dụng những lý luận và thực tiễn về vai trò của đảo vào trường hợp cụ thể tại khu vực quần đảo Trường Sa.

25. Đề tài: Pháp luật Trung Quốc về biển đảo, nhìn từ góc độ pháp luật quốc tế

Học viên: Bùi Thành Công

Cùng với xu thế phát triển không ngừng của thế giới, nhu cầu hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa các quốc gia, Trung Quốc là một quốc gia ven biển và đang có chiến lược trở thành cường quốc biển. Do đó, biển, đảo đóng một vai trò quan trọng, có ý nghĩa chiến lược đối với Trung Quốc trong phát triển kinh tế, mở rộng tầm ảnh hưởng chính trị, ngoại giao và quân sự trong khu vực và trên thế giới. Trong quá trình hợp tác và phát triển, Trung Quốc đã tham gia vào rất nhiều tổ chức quốc tế, là thành viên của nhiều Công ước, cơ chế luật pháp quốc tế trong đó có các vấn đề, lĩnh vực liên quan biển, đảo. Đặc biệt, thời gian gần đây, vấn đề tranh chấp ở Biển Đông ngày càng trở nên căng thẳng, trong đó Trung Quốc là một bên tranh chấp với yêu sách chủ quyền "đường lưỡi bò", đòi hỏi chủ quyền đối với phần lớn diện tích Biển Đông. Để hiện thực hóa yêu sách chủ quyền của mình, Trung Quốc không chỉ có những hành động củng cố cơ sở vật chất, đẩy mạnh thăm dò... Song song với đó, nhà nước Trung Quốc cũng đã xây dựng, ban hành nhiều chính sách liên quan đến biển, đặc biệt là thông qua việc bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật trong nước đồng thời tích cực tham gia vào các Điều ước quốc tế điều chỉnh về vấn đề này nhằm khẳng định yêu sách chủ quyền của mình đối với các vùng biển trên lĩnh vực pháp lý.

Trước thực trạng đó, tác giả sẽ đi phân tích thực trạng của hệ thống pháp luật Trung Quốc về biển đảo đặc biệt là các quy định liên quan vấn đề chủ quyền từ góc độ của luật quốc tế, chỉ ra những điểm khác biệt, mâu thuẫn với pháp luật quốc tế từ đó có căn cứ cơ sở pháp lý trong việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông.

Luận văn “**Pháp luật Trung Quốc về biển đảo, nhìn từ góc độ pháp luật quốc tế**” sẽ hệ thống, khái quát các văn bản pháp luật Trung Quốc về biển đảo; nghiên cứu, các nội dung quy định về hệ thống pháp luật Trung Quốc với các quy định của pháp luật quốc tế về biển, đảo để chỉ ra được những điểm mâu thuẫn, trái ngược với các quy định của pháp luật quốc tế. Trên cơ sở đánh giá nội dung các quy định của pháp luật hiện hành về biển đảo của Trung Quốc, đánh giá thực tiễn thi hành của Trung Quốc đối với pháp luật quốc tế về biển, đảo.

Trên cơ sở những đánh giá, nghiên cứu học viên hy vọng những kiến thức trong luận văn sẽ góp phần làm rõ thêm các văn bản pháp luật quy định về các vấn đề liên quan chủ quyền bao gồm các khu vực Biển Đông, Biển Hoa Đông, tính chất pháp lý của "đường lưỡi bò". Ngoài ra, đánh giá sơ bộ các văn bản pháp luật Trung Quốc về biển đảo trong lĩnh vực khai thác tài nguyên, hàng hải, nghiên cứu khoa học biển.../.